CÔNG TY TNHH AN QUANG HƯNG

HỒ SƠ
TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Đối với sản phẩm: Chai nhựa PET

- Tên cơ sở: Công ty TNHH An Quang Hưng
- Đại diện: Đỗ Tất Thắng ; chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Lô số 01- Cụm Công nghiệp Thọ Xương, phường Thọ Xương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Điện Thoại: 02403524155

Bắc Giang, năm 2023

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 06 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY T.N.H.H AN QUANG HƯNG
MSDN: 2400602226 - C.T.T.N.H.H - TP. BẮC GIANG T. BẮC GIANG

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/AQH/2020

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên cơ sở: Công ty TNHH An Quang Hưng

- Đại diện: Đỗ Tất Thắng ; chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Lô số 01- Cụm Công nghiệp Thọ Xương, phường Thọ Xương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Điện Thoại: 02403524155
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 240060226 ngày cấp 23/5/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 25/10/2017; Nơi cấp: phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: Không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm đánh giá: Chai nhựa Pet

2. Thành phần cấu tạo

- Nguyên liệu: Hạt nhựa Polyethylen terephthalat (PET)
- Phụ gia: Không sử dụng.

3. Quy cách sản phẩm: sản phẩm được sản xuất từ nhựa PET

- Chai PET có hình dạng thể tích, kích thước, khối lượng 200ml, 500ml, 750ml, 1lit chứa đựng thực phẩm cụ thể,..... hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
- Can nhựa PET: Có thể tích 2l,3l,20l...theo yêu cầu của khách hàng
- Bình nhựa PET: Có thể tích 3l, 5l, 10l, 19l, 19.8l, 20l.... theo yêu cầu của khách hàng

4.Hướng dẫn sử dụng, bảo quản và vận chuyển

4.1. Hướng dẫn sử dụng: sử dụng trực tiếp

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng một lần đối với các sản phẩm chai nhựa PET có thể tích dưới 10l tái sử dụng đối chai nhựa PET 10l trở lên
- Không sử dụng sản phẩm nứt, thủng, kém chất lượng không đảm bảo vệ sinh an toàn

4.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển

Scanned with CamScanner

			đa	
1	Thử vật liệu			QCVN 12-1 : 2011/BYT
1.1	Hàm lượng Chì (Pb)	µg/g	≤100	
1.2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	µg/g	≤100	
2	Thử thôi nhiễm			
2.1	Tổng kim loại nặng qui ra Pb *(Điều kiện thử nghiệm: 60^{0}c, 30 Phút trong Acid acetic 4%)*	µg/ml	≤1	
2.2	Hàm lượng $KMnO_4$ sử dụng *(Điều kiện thử nghiệm; 60^{0}c trong 30 phút trong nước)*	µg/ml	≤10	

2. Yêu cầu đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Polyethylen terephthalat (PET)

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	**Điều kiện ngâm thôi**	**Dung dịch ngâm thôi**	**Giới hạn tối đa**
Antimony	60^{0}c trong 30 phút	*Acid acetic 4%*	0,05µg/ml
Germani			0,1 µg/ml
Căn khô	25^{0}c trong 1 giờ	heptan	30 µg/ml
	60^{0}c trong 30 phút	**Ethanol 20%**	
	60^{0}c trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	

Scanned with CamScanner

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Khi vận chuyển chú ý bốc xếp nhẹ nhàng để tránh vỡ bao bì chứa đựng và bao bì vận chuyển tác động trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Chất liệu bao bì và quy cách bao gói: Bọc nilon, đựng trong thùng carton 5-10 chiếc /thùng; đóng lốc nhựa 5-10 chiếc /1lốc

- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

CÔNG TY TNHH AN QUANG HƯNG

CHAI NHỰA PET

Đơn vị sản xuất : Công ty TNHH An Quang Hưng

Địa chỉ: Lô Số 1, cum Công nghiệp Thọ Xương, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02403524155

Thành phần: Hạt nhựa polyethylen terephthalat (PET)

Thông số kỹ thuật:.....ml/lit

Hướng dẫn sử dụng: Dùng một lần đối với các sản phẩm chai nhựa PET có thể tích dưới 10lít tái sử dụng đối chai nhựa PET có thế tích 10lít trở lên Không sử dụng sản phẩm vỡ, hỏng, kém chất lượng không đảm bảo vệ sinh an toàn

Tháng sản xuất:/...../..... THSD :...../..../.... Định lượng:.....g/kg
(ghi trên vỏ bao bì)
Sản xuất tại Việt Nam

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty TNHH An Quang Hưng đối với Chai nhựa Pet đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN 12-1: 2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

1. Yêu cầu chung

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối	Văn bản áp dụng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Giang, ngày 6 tháng 01 năm 2020

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.N.H.H

GIÁM ĐỐC

Đỗ Tất Thắng

Scanned with CamScanner

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards, Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1
Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361199 • Fax: 024 38361199 • Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 • Fax: 024 32191001
Quatest 1
VILAS 028

Số/No: 2020/1593/TN4 Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ *Name of sample:* **Vỏ bình đựng nước 19L (nhựa PET)**
2. Khách hàng/ *Customer:* Công ty TNHH An Quang Hưng
3. Số lượng mẫu/ *Quantity:* 01 cái
4. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving:* 20/ 07 / 2020
5. Tình trạng mẫu/ *Status of sample:* Mẫu trong túi nilon
6. Thời gian thử nghiệm/ *Test duration:* Từ ngày/ *From:* 20 /07 /2020 đến ngày/ *To:* 3/ 08 /2020

TT	Tên chỉ tiêu *Specifications*		Phương pháp thử *Test methods*	Mức QCVN 12-1:11/BYT	Giới hạn phát hiện	Kết quả *Results*
	Hàm lượng Cd	µg/g(*)	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	1,0	Không phát hiện
	Hàm lượng Pb	µg/g(*)	"	< 100	1,0	Không phát hiện
	Hàm lượng kim loại thôi nhiễm: (*)		QCVN 12-1:2011/BYT			
	Hàm lượng Sb *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)*	µg/ml	"	≤ 0,05	0,01	Không phát hiện
	Hàm lượng Ge *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)*	µg/ml	"	≤ 0,1	0,01	Không phát hiện

12-1:11/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
iệu được Vilas công nhận

Hà nội, *ngày 03 tháng 08 năm 2020*

TL GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HOÁ - THỰC PHẨM

Đỗ Văn Thích

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*
   This test results is value only for samples taken by customer.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Scanned with CamScanner

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1
Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 • Fax: 024 38361199 • Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 • Fax: 024 32191001

Quatest 1

VILAS 028

Số/No: 2019/2193/TN4 Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ *Name of sample:* **Vỏ bình nhựa PET**
2. Khách hàng/ *Customer:* Công ty TNHH An Quang Hưng
3. Số lượng mẫu/ *Quantity:* 01 cái
4. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving:* 23/ 09 / 2019
5. Tình trạng mẫu/ *Status of sample:* Mẫu trong túi nilon
6. Thời gian thử nghiệm/ *Test duration:* Từ ngày/ *From:* 23 /09 /2019 đến ngày/ *To:* 08/ 10 /19

STT *Item*	*Tên chỉ tiêu* *Specifications*	*Phương pháp thử* *Test methods*	Mức QCVN 12-1:11/BYT	*Giới hạn phát hiện*	*Kết quả Results*
1.	Hàm lượng Cd µg/g(*)	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	1,0	Không phát hiện
2.	Hàm lượng Pb µg/g(*)	"	< 100	1,0	Không phát hiện
3.	Hàm lượng kim loại thôi nhiễm: (*)	QCVN 12-1:2011/BYT			
	Hàm lượng Sb µg/ml *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)*	"	≤ 0,05	0,01	Không phát hiện
	Hàm lượng Ge µg/ml *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)*	"	≤ 0,1	0,01	Không phát hiện

QCVN12-1:11/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
(*) chỉ tiêu được Vilas công nhận

Hà nội, *ngày 8 tháng 10 năm 2019*

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HOÁ - THỰC PHẨM

Đỗ Văn Thích

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*
   This test results is value only for samples taken by customer.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Scanned with CamScanner

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1
Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 • Fax: 024 38361199 • Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 • Fax: 024 32191001

Quatest 1

ilac-MRA

VILAS 028

Số/No 24/TN4/0214 Trang/Page 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ *Name of sample:* **Chai nhựa PET**
2. Khách hàng/ *Customer:* Công ty TNHH An Quang Hưng
3. Số lượng mẫu/ *Quantity:* 01mẫu
4. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving:* 26/02/2024
5. Tình trạng mẫu/ *Status of sample:* Mẫu không bao gói
6. Thời gian thử nghiệm/ *Test duration:* Từ ngày/ *From:* 26/02/2024 đến ngày/ *To:* 07/03/2024
7. Ngày hoàn thành/Completion date: 07/03/2024

T	Tên chỉ tiêu *Specifications*	Đơn vị *Unit*	Phương pháp thử *Test methods*	Mức tham khảo *Limits* (**)	*Kết quả Results*
	Hàm lượng Cd	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH (LOD =1,0)
	Hàm lượng Pb	µg/g	"	< 100	KPH (LOD =1,0)
	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm :	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT		
	- *60°C, 30 phút, trong nước,*	µg/ml	"	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	- *25°C, 60 phút, trong n-heptan,*	µg/ml	"	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	- *60°C, 30 phút, trong axit acetic4%*	µg/ml	"	≤ 30	< 15,0(LOQ=15,0)
	- *60°C, 30 phút, trong etanol 20%*	µg/ml	"	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (*) *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)*	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
	Lượng $KMnO_4$ sử dụng, *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong nước)*	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)
	Hàm lượng Sb *(Điều kiện thử nghiệm:60°C,30 phút trong axit axetic 4%)*		QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 0,05	KPH(LOD =0,01)
	Hàm lượng Ge *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit axetic 4%)*	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 0,1	KPH(LOD =0,01)

(*): Chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS

(**): Mức tham khảo: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

KT. GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*
   This test results is value only for samples taken by customer.
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
   This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng*
   Name of sample and customer are written as customer's request.

Scanned with CamScanner

Trụ sở chính: 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 [illegible] - Fax: 024 [illegible]
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu Chi Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 [illegible] - Fax: 024 [illegible]

Số/No. 24/TN4/0214

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



Quatest 1

Scanned with CamScanner